

CHÍNH PHỦ**CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/2006/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2006***NGHỊ ĐỊNH****Về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật An ninh quốc gia ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Vị trí, chức năng của Thanh tra Công an nhân dân**

Thanh tra Công an nhân dân là Thanh tra nhà nước được tổ chức thành hệ thống trong Công an nhân dân, có chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an.

Điều 2. Đối tượng thanh tra của Thanh tra Công an nhân dân

1. Cơ quan, đơn vị và cá nhân thuộc Bộ Công an quản lý.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân Việt Nam trong việc chấp hành pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân nước ngoài tại Việt Nam có hoạt động liên quan đến pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng theo Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động thanh tra Công an nhân dân

1. Hoạt động thanh tra Công an nhân dân phải tuân theo pháp luật và các quy định của Bộ trưởng Bộ Công an; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan Thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên, thành viên Đoàn thanh tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

Điều 4. Mỗi quan hệ công tác của Thanh tra Công an nhân dân

1. Các cơ quan Thanh tra Công an nhân dân hoạt động dưới sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng Công an cùng cấp, đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác, tổ chức và nghiệp vụ của Thanh tra Công an cấp trên.

2. Thanh tra Bộ Công an hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra đối với Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương.

3. Thanh tra Công an nhân dân phối hợp với Thanh tra các bộ, ngành và các cơ quan liên quan khác ở Trung ương, địa phương trong quá trình thanh tra các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an và trong việc phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 5. Hệ thống tổ chức Thanh tra Công an nhân dân

1. Hệ thống tổ chức Thanh tra Công an nhân dân gồm:
 - a) Thanh tra Bộ Công an (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ);
 - b) Thanh tra Tổng cục;
 - c) Thanh tra Bộ Tư lệnh Cảnh vệ; Thanh tra Cục Quản lý trại giam, Cơ sở giáo dục và Trường giáo dưỡng;
 - d) Thanh tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Thanh tra Công an cấp tỉnh);
 - đ) Thanh tra Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Thanh tra Công an cấp huyện).
2. Bộ trí cán bộ thực hiện nhiệm vụ thanh tra nơi không có tổ chức Thanh tra:

Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc bố trí Thanh tra viên chuyên ngành ở các đơn vị không có tổ chức Thanh tra thuộc lực lượng Cảnh sát và An ninh có nhiệm vụ quản lý nhà nước về an ninh, trật tự ở Bộ Công an, Công an cấp tỉnh để thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành. Trường hợp các đơn vị từ cấp Trung đoàn hoặc tương đương trở lên ở Bộ Công an và Công an cấp tỉnh không có tổ chức Thanh tra thì Thủ trưởng đơn vị phụ trách và bố trí cán bộ thuộc quyền quản lý làm công tác thanh tra hành chính tại đơn vị theo chỉ đạo, hướng dẫn của Thanh tra Công an cấp trên.
3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể tổ chức và hoạt động thanh tra của các cơ quan Thanh tra và đơn vị quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.
4. Các doanh nghiệp nhà nước trong Công an nhân dân tổ chức Ban Thanh tra nhân dân do Ban chấp hành Công đoàn cơ sở chịu trách nhiệm chỉ đạo hoạt động theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Mục 1

THANH TRA BỘ

Điều 6. Vị trí, chức năng, tổ chức của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Công an, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ

trưởng Bộ Công an, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức, nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Chính phủ; có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công an thống nhất quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong Công an nhân dân; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên. Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức và biên chế của Thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ công tác của Công an các đơn vị, địa phương và của cán bộ, chiến sĩ Công an theo quy định về phân cấp quản lý của Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Tổ chức thanh tra, chỉ đạo các đơn vị chức năng tiến hành thanh tra đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân việc chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

4. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Giúp Bộ trưởng Bộ Công an thống nhất quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại và xử lý tố cáo thuộc trách nhiệm của Bộ Công an; xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại và việc xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công an và tổ chức tiếp công dân theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

6. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng trong Công an nhân dân theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

7. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Bộ Công an.

8. Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn về công tác, tổ chức Thanh tra, Thanh tra viên và bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra trong Công an nhân dân.

9. Tổng kết, nghiên cứu khoa học; trao đổi thông tin, kinh nghiệm về công tác thanh tra theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an và Tổng Thanh tra.

10. Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an và Tổng Thanh tra về kết quả công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiếp công dân; phòng, chống tham nhũng trong Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an.

11. Thực hiện nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Công an giao.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác thanh tra Công an nhân dân trình Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Bộ trưởng quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc do yêu cầu của công tác phòng, chống tham nhũng; quyết định việc thanh tra theo thẩm quyền, lập Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trưng tập Thanh tra viên và Cộng tác viên Thanh tra Công an nhân dân để tiến hành thanh tra theo quy định của pháp luật.

4. Kiến nghị Bộ trưởng xử lý việc chồng chéo, trùng lắp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra trong Công an nhân dân; tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Công an trong việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo giải quyết việc trùng lắp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an trên địa bàn cấp tỉnh.

5. Kiến nghị Bộ trưởng quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Công an khi có căn cứ cho rằng quyết định đó trái pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra.

6. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Kiến nghị Bộ trưởng xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng có hành vi vi phạm quy định của pháp luật hoặc quy định của Bộ trưởng Bộ Công an; phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó; kiến nghị Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương xem xét lại nội dung liên quan đến thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo có vi phạm pháp luật; nếu yêu cầu trên không được thực hiện thì báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

8. Xem xét lại hoặc yêu cầu Tổng cục trưởng, Thủ trưởng Công an các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh xem xét lại những vấn đề về công tác thanh tra mà Chánh Thanh tra Tổng cục, Chánh Thanh tra các đơn vị trực thuộc Bộ, Chánh Thanh tra Công an cấp tỉnh không nhất trí với Thủ trưởng Công an cùng cấp; nếu yêu cầu trên không được thực hiện thì báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

9. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công an giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Tổng Thanh tra.

10. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Bộ Công an.

11. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

12. Báo cáo Bộ trưởng, Tổng Thanh tra về kết quả công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiếp công dân; phòng, chống tham nhũng trong Công an nhân dân thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

13. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Công an trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

14. Đề xuất cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương; đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thanh tra viên Công an nhân dân theo quy định của pháp luật và theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Bộ trưởng Bộ Công an.

15. Quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Mục 2**THANH TRA TỔNG CỤC; THANH TRA BỘ TƯ LỆNH CẢNH VỆ;
THANH TRA CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM, CƠ SỞ GIÁO DỤC
VÀ TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG****Điều 9. Vị trí, chức năng, tổ chức của Thanh tra Tổng cục**

1. Thanh tra Tổng cục là đơn vị thuộc Tổng cục của Bộ Công an, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng cục trưởng và sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Bộ; có trách nhiệm giúp Tổng cục trưởng quản lý công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong nội bộ thuộc phạm vi Tổng cục; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính đối với đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của Tổng cục trưởng.

2. Thanh tra Tổng cục có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra Tổng cục theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Bộ trưởng Bộ Công an trên cơ sở đề nghị của Tổng cục trưởng sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra Bộ và các đơn vị chức năng; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra Tổng cục và Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức và biên chế của Thanh tra Tổng cục do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Tổng cục

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ công tác của các đơn vị và cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thuộc Tổng cục theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt của Tổng cục trưởng, trên cơ sở chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm của Bộ Công an.

2. Giúp Tổng cục trưởng thống nhất quản lý công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc trách nhiệm của Tổng cục; xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại và việc xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền của Tổng cục trưởng và tổ chức tiếp công dân theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Tổng cục.

5. Giúp Tổng cục trưởng quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thanh tra cho Thủ trưởng và cán bộ Thanh tra chuyên trách hoặc kiêm nhiệm của các đơn vị thuộc Tổng cục.

6. Tổng kết, nghiên cứu khoa học; trao đổi thông tin, kinh nghiệm về công tác thanh tra theo quy định của pháp luật.

7. Tổng hợp, báo cáo Tổng cục trưởng và Chánh Thanh tra Bộ về kết quả công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiếp công dân; phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

8. Thực hiện nhiệm vụ khác do Tổng cục trưởng hoặc Chánh Thanh tra Bộ giao theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Tổng cục

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác thanh tra đối với các đơn vị thuộc Tổng cục.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm của Tổng cục trình Tổng cục trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Tổng cục trưởng quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc do yêu cầu của công tác phòng, chống tham nhũng; quyết định thanh tra theo thẩm quyền, lập Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trung tập Thanh tra viên và Cộng tác viên Thanh tra Công an nhân dân để tiến hành thanh tra theo quy định của pháp luật.

4. Kiến nghị Tổng cục trưởng, báo cáo Chánh Thanh tra Bộ xử lý việc chồng chéo, trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra trong phạm vi quản lý của Tổng cục.

5. Kiến nghị Tổng cục trưởng hoặc báo cáo Chánh Thanh tra Bộ đề kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tổng cục trưởng khi có căn cứ cho rằng quyết định đó trái pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra.

6. Kiến nghị Tổng cục trưởng xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Tổng cục trưởng có hành vi vi phạm quy định của pháp luật hoặc quy

định của Bộ trưởng Bộ Công an; phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

7. Kiến nghị Tổng cục trưởng giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra, trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ để chỉ đạo, giải quyết.

8. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra trong phạm vi Tổng cục.

9. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

10. Báo cáo Tổng cục trưởng, Chánh Thanh tra Bộ về kết quả công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiếp công dân; phòng, chống tham nhũng trong nội bộ Tổng cục thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

11. Đề xuất cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra Tổng cục và Thanh tra viên ở các đơn vị thuộc Tổng cục.

12. Quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan Thanh tra Tổng cục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thanh tra Bộ Tư lệnh Cảnh vệ; Thanh tra Cục Quản lý trại giam, Cơ sở giáo dục và Trường giáo dưỡng

1. Thanh tra Bộ Tư lệnh Cảnh vệ; Thanh tra Cục Quản lý trại giam, Cơ sở giáo dục và Trường giáo dưỡng chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng đơn vị, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ của Thanh tra Bộ Công an; có trách nhiệm giúp Tư lệnh, Cục trưởng quản lý công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong nội bộ; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính đối với đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của Tư lệnh, Cục trưởng.

2. Thanh tra Bộ Tư lệnh Cảnh vệ; Thanh tra Cục Quản lý trại giam, Cơ sở giáo dục và Trường giáo dưỡng có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra Bộ Tư lệnh Cảnh vệ; Chánh Thanh tra Cục Quản lý trại giam, Cơ sở giáo dục và Trường giáo dưỡng

thực hiện theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Bộ trưởng Bộ Công an, trên cơ sở đề nghị của Tư lệnh, Cục trưởng sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra Bộ và các đơn vị chức năng; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức và biên chế của Thanh tra Bộ Tư lệnh Cảnh vệ; Thanh tra Cục Quản lý trại giam, Cơ sở giáo dục và Trường giáo dưỡng do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Tư lệnh Cảnh vệ; Thanh tra Cục Quản lý trại giam, Cơ sở giáo dục và Trường giáo dưỡng được áp dụng theo các quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Tư lệnh Cảnh vệ; Chánh Thanh tra Cục Quản lý trại giam, Cơ sở giáo dục và Trường giáo dưỡng được áp dụng theo các quy định tại Điều 11 Nghị định này.

Mục 3

THANH TRA CÔNG AN CẤP TỈNH VÀ THANH TRA CÔNG AN CẤP HUYỆN

Điều 13. Vị trí, chức năng, tổ chức của Thanh tra Công an cấp tỉnh

1. Thanh tra Công an cấp tỉnh là cơ quan của Công an cấp tỉnh, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Công an cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Bộ Công an; có trách nhiệm giúp Giám đốc Công an cấp tỉnh quản lý công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong Công an nhân dân; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an trên địa bàn cấp tỉnh.

2. Thanh tra Công an cấp tỉnh có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra do Giám đốc Công an cấp tỉnh đề nghị, Chánh Thanh tra Bộ thống nhất với các đơn vị chức năng ở Bộ trình Bộ trưởng quyết định.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Công an cấp tỉnh do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Công an cấp tỉnh

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ công tác của Công an các đơn vị, địa phương và cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thuộc quyền quản lý của Giám đốc Công an cấp tỉnh.

2. Tổ chức thanh tra đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân việc chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn cấp tỉnh.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Giúp Giám đốc Công an cấp tỉnh thống nhất quản lý công tác giải quyết khiếu nại và xử lý tố cáo thuộc trách nhiệm của Công an cấp tỉnh; xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại và việc xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền của Giám đốc Công an cấp tỉnh và tổ chức tiếp công dân theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

6. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Công an cấp tỉnh.

7. Giúp Giám đốc Công an cấp tỉnh quản lý, kiểm tra, hướng dẫn công tác thanh tra, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thanh tra cho Thủ trưởng và cán bộ Thanh tra chuyên trách, kiêm nhiệm trong các đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh.

8. Tổng kết, nghiên cứu khoa học; trao đổi thông tin, kinh nghiệm về công tác thanh tra trong Công an cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

9. Tổng hợp, báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh và Chánh Thanh tra Bộ Công an về kết quả công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiếp công dân; phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Công an cấp tỉnh.

10. Thực hiện nhiệm vụ khác do Giám đốc Công an cấp tỉnh hoặc Chánh Thanh tra Bộ giao theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Công an cấp tỉnh

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác thanh tra của Công an các đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của Giám đốc Công an cấp tỉnh.
2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra của Công an cấp tỉnh trình Giám đốc Công an cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.
3. Trình Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc do yêu cầu của công tác phòng, chống tham nhũng; quyết định thanh tra theo thẩm quyền, lập Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trung tập Cộng tác viên Thanh tra Công an nhân dân để tiến hành thanh tra theo quy định của pháp luật.
4. Kiến nghị Giám đốc Công an cấp tỉnh xử lý việc chồng chéo, trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra trong phạm vi quản lý của Công an cấp tỉnh.
5. Kiến nghị Giám đốc Công an cấp tỉnh tạm đình chỉ thi hành quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Giám đốc Công an cấp tỉnh khi có căn cứ cho rằng quyết định đó trái pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra.
6. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
7. Kiến nghị Giám đốc Công an cấp tỉnh xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Giám đốc Công an cấp tỉnh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật hoặc quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.
8. Kiến nghị Giám đốc Công an cấp tỉnh giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra, trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ Công an để chỉ đạo, giải quyết.
9. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi Công an cấp tỉnh.
10. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
11. Báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ Công an về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiếp công dân; phòng, chống tham nhũng trong Công an nhân dân thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

12. Đề xuất cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra và các chức danh thuộc Thanh tra Công an cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý cán bộ của Bộ trưởng Bộ Công an.

13. Quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan Thanh tra Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 14 Nghị định này và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Vị trí, chức năng, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Công an cấp huyện

1. Thanh tra Công an cấp huyện được tổ chức dưới hình thức Đội Thanh tra hoặc cán bộ Thanh tra chuyên trách trực thuộc Trưởng Công an cấp huyện, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng Công an cấp huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Công an cấp tỉnh.

2. Thanh tra Công an cấp huyện có trách nhiệm giúp Trưởng Công an cấp huyện quản lý công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong nội bộ; thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính trong phạm vi quản lý của Công an cấp huyện; xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại và việc xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền của Trưởng Công an cấp huyện khi được giao; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng trong nội bộ.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc bố trí tổ chức Đội Thanh tra hoặc cán bộ Thanh tra chuyên trách và quy định cụ thể vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh của Thanh tra Công an cấp huyện.

Chương III

THANH TRA VIÊN VÀ CỘNG TÁC VIÊN

THANH TRA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 17. Thanh tra viên Công an nhân dân

1. Sĩ quan Công an nhân dân làm nhiệm vụ thanh tra chuyên trách có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật được cấp có thẩm quyền xét để bổ nhiệm Thanh tra viên Công an nhân dân; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức; việc cấp, đổi, thu hồi Thẻ thanh tra viên Công an nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Khi thực hiện công tác thanh tra, Thanh tra viên Công an nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tiến hành thanh tra; xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo; tiếp công dân; phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền của cơ quan Thanh tra theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan Thanh tra hoặc Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền;

b) Được sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dùng và được tạo điều kiện cần thiết khác phục vụ công tác thanh tra;

c) Tiến hành thanh tra khi có quyết định của Thủ trưởng cơ quan Thanh tra Công an nhân dân hoặc Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền; trường hợp khẩn cấp cần ngăn chặn, xử lý ngay hành vi vi phạm, Thanh tra viên Công an nhân dân được áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời báo cáo ngay với Chánh Thanh tra Công an cùng cấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về biện pháp xử lý của mình;

d) Khi tiến hành hoạt động thanh tra hành chính, Thanh tra viên Công an nhân dân phải thực hiện quy định tại Điều 40 của Luật Thanh tra và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Khi tiến hành hoạt động thanh tra chuyên ngành, Thanh tra viên Công an nhân dân phải thực hiện quy định tại Điều 50 của Luật Thanh tra và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Cộng tác viên Thanh tra Công an nhân dân

1. Cộng tác viên Thanh tra Công an nhân dân được trưng tập theo quy định của pháp luật để tham gia Đoàn thanh tra, phải là người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, khách quan, công minh.

2. Cộng tác viên Thanh tra Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan Thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên Công an nhân dân; được kiến nghị những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra trong phạm vi, nhiệm vụ được giao; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Trưởng Đoàn thanh tra và Thủ trưởng cơ quan Thanh tra Công an nhân dân; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Trưởng Đoàn thanh tra và Thủ trưởng cơ quan Thanh tra về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo.

Điều 19. Trách nhiệm của Thanh tra viên, Cộng tác viên Thanh tra Công an nhân dân

Khi tiến hành thanh tra, Thanh tra viên, Cộng tác viên Thanh tra Công an nhân dân phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Luật Thanh tra.

Điều 20. Chế độ, chính sách đối với Thanh tra viên và Cộng tác viên Thanh tra Công an nhân dân

1. Thanh tra viên Công an nhân dân được hưởng chế độ, chính sách chung của lực lượng Công an nhân dân và được hưởng quyền lợi chung như đối với Thanh tra viên nhà nước.

Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể về: việc áp dụng cấp bậc hàm sĩ quan Công an nhân dân và hướng dẫn chế độ, chính sách đối với Thanh tra viên trong lực lượng Công an nhân dân; việc bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý Thanh tra viên Công an nhân dân.

2. Tiêu chuẩn, chế độ đãi ngộ đối với Cộng tác viên Thanh tra Công an nhân dân thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chương IV**HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA CÔNG AN NHÂN DÂN****Điều 21. Phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra**

1. Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra của năm sau do Chánh Thanh tra Bộ Công an trình chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 của năm trước.

2. Căn cứ chương trình, kế hoạch thanh tra Công an nhân dân đã được Bộ trưởng phê duyệt, Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương xây dựng cụ thể chương trình, kế hoạch thanh tra của đơn vị mình, trình Thủ trưởng Công an cùng cấp phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trong trường hợp cần điều chỉnh chương trình, kế hoạch thanh tra, Chánh Thanh tra Công an các đơn vị, địa phương, Đội trưởng Thanh tra hoặc cán bộ Thanh tra chuyên trách Công an cấp huyện có văn bản đề nghị Thủ trưởng Công an cùng cấp phê duyệt. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Thủ trưởng Công an cùng cấp có trách nhiệm xem xét, quyết định, thông báo cho cơ quan Thanh tra và các cơ quan liên quan biết.

Điều 22. Hình thức thanh tra và căn cứ, thẩm quyền, nội dung quyết định thanh tra

1. Hình thức thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành Công an nhân dân gồm có thanh tra theo chương trình, kế hoạch và thanh tra đột xuất.

2. Việc ra quyết định thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành phải có một trong các căn cứ sau đây:

- a) Chương trình, kế hoạch thanh tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- b) Yêu cầu của Thủ trưởng Công an các cấp;
- c) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an.

3. Thẩm quyền ra quyết định thanh tra:

a) Căn cứ chương trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt, Thủ trưởng cơ quan Thanh tra Công an nhân dân ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra; trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan Công an cùng cấp ra quyết định thanh tra, thành lập Đoàn thanh tra và tổ chức thực hiện quyết định thanh tra;

b) Trường hợp phát hiện vụ, việc vi phạm pháp luật cần phải thanh tra kịp thời, Chánh Thanh tra Bộ Công an, Chánh Thanh tra Công an cấp tỉnh ra quyết định thanh tra đột xuất, đồng thời báo cáo ngay với Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh;

c) Trường hợp Chánh Thanh tra phân công nhiệm vụ cho Thanh tra viên chuyên ngành tiến hành thanh tra độc lập thì việc phân công phải bằng văn bản, nêu rõ phạm vi, nhiệm vụ, thời gian tiến hành thanh tra.

4. Quyết định thanh tra phải có các nội dung quy định tại Điều 37 và Điều 47 của Luật Thanh tra.

Điều 23. Thời hạn thanh tra

1. Cuộc thanh tra hành chính do Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Tổng cục thuộc Bộ Công an tiến hành không quá bốn mươi lăm ngày; trường hợp phức tạp có thể gia hạn, nhưng tổng thời gian không quá bảy mươi ngày.

2. Cuộc thanh tra hành chính do Thanh tra các cấp khác trong Công an nhân dân tiến hành không quá ba mươi ngày; trường hợp cần thiết có thể gia hạn, nhưng tổng thời gian không quá bốn mươi lăm ngày.

3. Cuộc thanh tra chuyên ngành được tổ chức theo Đoàn thanh tra tiến hành không quá ba mươi ngày; trong trường hợp cần thiết có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian thanh tra không quá sáu mươi ngày.

4. Việc gia hạn thời hạn thanh tra quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này do người có thẩm quyền ra quyết định thanh tra quyết định.

5. Thời hạn một cuộc thanh tra được tính từ ngày công bố quyết định thanh tra đến khi kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra, không kể ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra

1. Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính, Trưởng Đoàn thanh tra Công an nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quy định tại Điều 39 của Luật Thanh tra, các khoản 1 và 2 Điều 26, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 và Điều 34 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra (sau đây gọi tắt là Nghị định số 41/2005/NĐ-CP), các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, Trưởng Đoàn thanh tra chuyên ngành Công an nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quy định tại các Điều 49, 50 của Luật Thanh tra, các khoản 1 và 2 Điều 26, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 và Điều 35 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính, Thanh tra viên Công an nhân dân là thành viên Đoàn thanh tra Công an nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quy định tại Điều 40 của Luật Thanh tra, khoản 1 Điều 26, Điều 27 và Điều 28 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, Thanh tra viên Công an nhân dân là thành viên Đoàn thanh tra chuyên ngành Công an nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 50 của Luật Thanh tra, khoản 1 Điều 26, Điều 27 và Điều 28 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của

pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

3. Trong quá trình thanh tra, các thành viên khác của Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại các điểm a, c, d, và đ khoản 1 Điều 40 của Luật Thanh tra và khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

Điều 25. Hồ sơ thanh tra, báo cáo kết quả thanh tra, kết luận thanh tra

1. Việc lập hồ sơ thanh tra, xây dựng báo cáo kết quả thanh tra, ra kết luận thanh tra, công bố hoặc gửi kết luận thanh tra cho đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo quy định tại các Điều 41, 43, 51 và Điều 56 của Luật Thanh tra, các Điều 34 và 35 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

2. Việc quản lý, sử dụng hồ sơ nghiệp vụ thanh tra Công an nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Bộ trưởng Bộ Công an về lưu trữ.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG THANH TRA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người ra quyết định thanh tra và người được ủy quyền kết luận thanh tra

1. Người ra quyết định thanh tra phải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quy định tại các Điều 42, 43 và Điều 52 của Luật Thanh tra, khoản 3 Điều 26, các Điều 27, 28, 30, 31, 32, 33, 35 và Điều 36 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

2. Cuộc thanh tra thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh khi có yêu cầu ủy quyền thì Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Công an cấp tỉnh nơi có Đoàn thanh tra được quyền ra kết luận thanh tra; cuộc thanh tra có nội dung không phức tạp, người ra quyết định thanh tra là Chánh Thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra là Phó Chánh Thanh tra khi có yêu cầu ủy quyền thì Trưởng Đoàn thanh tra được ra kết luận thanh tra. Việc ủy quyền ra kết luận thanh tra phải bằng văn bản.

Người được ủy quyền ra kết luận thanh tra phải chịu trách nhiệm trước người ủy quyền và trước pháp luật về nội dung kết luận thanh tra.

Điều 27. Trách nhiệm và quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan Thanh tra Công an nhân dân và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin, tài liệu đã cung cấp. Việc cung cấp thông tin, tài liệu có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Người ra quyết định thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, các thành viên Đoàn thanh tra có trách nhiệm bảo quản, khai thác, sử dụng thông tin và tài liệu đúng quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp hoặc cố tình trì hoãn, cung cấp không đầy đủ, không chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra thì Thanh tra viên, Trưởng Đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra được áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị của Thanh tra Công an nhân dân và quyết định xử lý về thanh tra của Thủ trưởng cơ quan quản lý cùng cấp trong Công an nhân dân theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thanh tra Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để thực hiện trách nhiệm của mình được xác định trong kết luận, quyết định xử lý về thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện với cơ quan Thanh tra Công an nhân dân đã yêu cầu.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và lợi ích hợp pháp liên quan được quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 28. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đối tượng thanh tra

1. Đối tượng thanh tra có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và các Điều 53, 54 của Luật Thanh tra và các Điều 25, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 45 và khoản 2 Điều 51 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

2. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, đối tượng thanh tra của Thanh tra Công an nhân dân có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn thanh tra. Việc cung cấp thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước có liên quan đến nội dung thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Người được cung cấp thông tin, tài liệu thuộc bí mật Nhà nước có trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và quy định của Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thanh tra Công an nhân dân được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công an và Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương trong tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra Công an nhân dân

1. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra, chịu trách nhiệm trước cấp trên về công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của mình.

2. Kiện toàn tổ chức, bổ nhiệm hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh thanh tra theo quy định; bố trí cán bộ có năng lực, phẩm chất làm công tác thanh tra.

3. Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra của cơ quan Thanh tra thuộc quyền quản lý trực tiếp.

4. Định kỳ xem xét, xử lý báo cáo của cơ quan Thanh tra thuộc quyền quản lý và báo cáo định kỳ với cơ quan quản lý nhà nước cấp trên về công tác thanh tra; giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc về công tác thanh tra; xử lý việc chông chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra thuộc phạm vi quản lý của mình.

5. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày có kết luận thanh tra, Thủ trưởng cơ quan Công an phải xem xét, xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị thanh tra và có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 44 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

6. Sử dụng kết quả thanh tra để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, xây dựng lực lượng và các mặt công tác khác trong Công an nhân dân.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra theo quy định của pháp luật và của Bộ trưởng Bộ Công an.

8. Đảm bảo kinh phí, trang bị cơ sở vật chất và điều kiện làm việc cho cơ quan Thanh tra Công an nhân dân hoàn thành tốt nhiệm vụ và thực hiện chế độ, chính sách đối với Thanh tra viên, Cộng tác viên Thanh tra Công an nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các ngành

Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các ngành có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và phối hợp, tạo điều kiện để Thanh tra Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Lập, quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động thanh tra Công an nhân dân

1. Kinh phí đảm bảo cho hoạt động thanh tra Công an nhân dân thuộc dự toán ngân sách nhà nước được Bộ Công an thông báo hàng năm và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật. Việc lập, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Qua thanh tra, trường hợp Thanh tra Công an nhân dân thu hồi tiền, tài sản nộp ngân sách nhà nước từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính và các khoản tiền bị tham ô, chiếm đoạt trái pháp luật thì được trích một phần số tiền đã thu hồi để bổ sung kinh phí nghiệp vụ thanh tra, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác thanh tra và được trích thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Việc sử dụng con dấu, tài khoản của Thanh tra Công an nhân dân

1. Thanh tra Bộ Công an và Thanh tra Công an cấp tỉnh có con dấu và tài khoản riêng.

2. Các cơ quan Thanh tra khác trong Công an nhân dân được sử dụng con dấu và tài khoản của cơ quan quản lý cùng cấp.

Điều 33. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra Công an nhân dân

1. Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại

của đối tượng thanh tra đối với quyết định xử lý, hành vi của Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên và các thành viên khác của Đoàn Thanh tra Công an nhân dân *trong quá trình thanh tra*.

2. Thủ trưởng cơ quan Thanh tra Công an nhân dân, Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đã có kết luận hoặc quyết định xử lý có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại của đối tượng thanh tra đối với kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

3. Khiếu nại kết luận thanh tra do người được ủy quyền ký kết luận thanh tra, thì do người ủy quyền giải quyết.

4. Trường hợp khiếu nại đối với Thủ trưởng cơ quan Thanh tra Công an nhân dân, Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đã giải quyết nhưng người khiếu nại còn khiếu nại thì việc giải quyết được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Việc tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên và các thành viên khác của Đoàn Thanh tra Công an nhân dân do Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp người đó giải quyết. Thủ trưởng cơ quan quản lý Đoàn Thanh tra có trách nhiệm phối hợp giải quyết.

Thủ trưởng Công an cấp trên trực tiếp của người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của người ra quyết định thanh tra.

Cơ quan tiến hành tố tụng xem xét, xử lý, giải quyết việc tố cáo hành vi có dấu hiệu tội phạm theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

6. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra Công an nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 34. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có thành tích trong hoạt động thanh tra Công an nhân dân được khen thưởng theo quy định của pháp luật và của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thanh tra Công an nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 51 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong Công an nhân dân có quyết định, hành vi vi phạm trong hoạt động thanh tra ngoài việc bị xử lý theo khoản 2 Điều này còn bị xử lý theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ những quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phan Văn Khải